TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2017
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Phước

Bà Nguyễn Ngọc Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát Huyện D, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 02, ấp PT, xã PN, Huyện D, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh Phan Văn H (tên khác Phan Thái H), sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà 27, ấp PH, xã SĐ, Huyện D, tỉnh TN.

- Chị T có mặt tại phiên tòa, anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2017 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn H (Phan Thái H) tự nguyện quen biết nhau, chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới, có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, Huyện D, tỉnh TN số: 34 quyển số 01 ngày 20-7-1999. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, thường xuyên bất hòa trong cuộc sống, chị và anh H không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Năm 2012, anh H về nhà ba mẹ ruột ở ấp PH, xã SĐ sinh sống. Quá trình ly thân anh H có đến thăm con, chị và anh H có gặp nhau nhưng không bàn bạc giải pháp đoàn tụ. Tại tòa hôm nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn H (Phan Thái H).

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Diễm My, sinh ngày 30-10-2000 và Phan Thị Diễm Sương, sinh ngày 06-9-2005. Hiện con đang sống với chị T. Chị yêu cầu nuôi 02 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn H (Phan Thái H) trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 31-10-2017 như sau: Anh và chị T chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SĐ, Huyện D, tỉnh TN. Ngày 05-5-2012 âm lịch, anh chở chị T về nhà ở xã PN, sau đó chị T không đồng ý về sống chung với anh tại nhà của vợ chồng ở xã SĐ. Chị T yêu cầu anh về sống ở xã PN, anh đồng ý về sống được 03 tháng để nuôi con nhưng chị T đòi ly hôn nhiều lần. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ vì còn thương vợ, con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Diễm My, sinh ngày 30-10-2000 và Phan Thị Diễm Sương, sinh ngày 06-9-2005. Hiện con đang sống với chị T. Anh H yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi con Phan Thị Diễm My và Phan Thị Diễm Sương và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh TN.

Anh Phan Văn H (Phan Thái H) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng anh vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, Huyện D, tỉnh TN nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T, anh H phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Chị T và anh H sống riêng từ năm 2012 cho đến nay. Tại biên bản lấy lời khai anh H (bút lục số 48) anh H có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình, Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng anh H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, từ bỏ quyền của mình được trình bày trước Tòa. Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của anh chị tan vỡ do tính tình không phù hợp, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh Phan Văn H (Phan Thái H) là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên: Phan Thị Diễm My, sinh ngày 30-10-2000 và Phan Thị Diễm Sương, sinh ngày 06-9-2005. Nguyện vọng của các cháu mong muốn được sống với chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 57; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Phan Văn H (Phan Thái H). Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn H (Phan Thái H) không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phan Thị Diễm My, sinh ngày 30-10-2000 và Phan Thị Diễm Sương, sinh ngày 06-9-2005. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Văn H (Phan Thái H) có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0015631 ngày 22-8-2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D, tỉnh TN. Ghi nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp xong.

"Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự".

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS Huyện D;
- UBND xã SĐ;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (M).